

Số: 393/QĐ-ĐHCN

Hà nội, ngày 23 tháng 04 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo trong
kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia kỳ IV năm 2018**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

- Căn cứ Nghị định 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

- Căn cứ Thông tư 19/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/05/2015 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương Binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

- Căn cứ Quyết định 4811/QĐ-BCT ngày 29 tháng 05 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Công thương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Căn cứ bảng tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức và bài kiểm tra thực hành của Ban giám khảo nghề Công nghệ Ô tô bậc 1, nghề Điện tử công nghiệp bậc 3, nghề Công nghệ thông tin bậc 3;

- Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá của Ban giám khảo trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia kỳ IV nghề Công nghệ Ô tô bậc 1, nghề Điện tử công nghiệp bậc 3, nghề Công nghệ thông tin bậc 3 được tổ chức tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (*danh sách kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (bà) Giám đốc Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Tài chính kế toán, các đơn vị liên quan và Thí sinh có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- BLĐTB&XH
- TCGDNN, KNN
- Như điều 3;
- Lưu VT, HTDN.



Bùi Thị Ngân

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **23** tháng **04** năm 2018

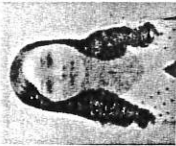
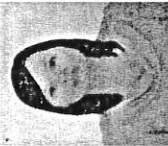
DANH SÁCH CÔNG NHÂN KẾT QUẢ ĐẠT
KỶ ĐỨC GIÁ KỸ NĂNG NGHIỆP QUỐC GIA KỶ IV NĂM 2018

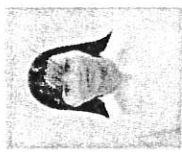
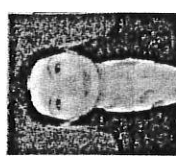
Thời gian: Từ 21/04 - 23/04/2018

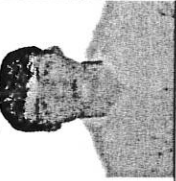
NGHIỆT : CÔNG NGHIỆP THÔNG TIN BẠC 3

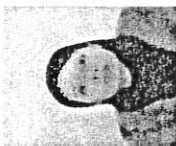
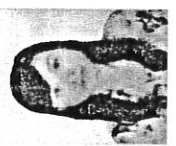
(Kèm theo Quyết định số **393** /QĐ - ĐHCN ngày **23** tháng **04** năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

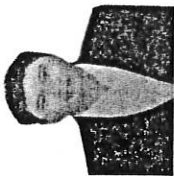
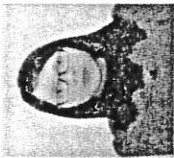
TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	CNTT - 01	Vũ Thị Ngọc Anh	28/02/1982			x	013517300	08/03/2012	C/A Hà Nội
2	CNTT - 02	Nguyễn Hải Bằng	03/11/1975		x		012246809	29/12/2012	C/A Hà Nội
3	CNTT - 03	Hoàng Thị Cúc	11/10/1984			x	034184008390	24/08/2017	Cục cảnh sát DKQL, cư trú và DL.QG về dân cư
4	CNTT - 04	Nguyễn Văn Cường	01/04/1986		x		001086013879	08/08/2016	Cục cảnh sát DKQL, cư trú và DL.QG về dân cư

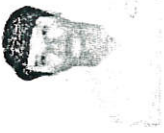
TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	CNTT - 05	Đỗ Phương Dung	01/08/1981			x	013654248	11/07/2013	CA Hà Nội
6	CNTT - 06	Vũ Ánh Dương	04/10/1985		x		037085001078	07/06/2016	Cục cảnh sát DKQL, cư trú và DLQG về dân cư
7	CNTT - 07	Nguyễn Thị Bích Hà	03/05/1980			x	012071892	09/11/2006	CA Hà Nội
8	CNTT - 08	Hoàng Thị Hai	08/11/1973			x	001173008566	07/06/2016	Cục cảnh sát DKQL, Cư trú và DLQG về dân cư
9	CNTT - 09	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	30/08/1978			x	001178002564	24/09/2014	Cục cảnh sát DKQL, cư trú và DLQG về dân cư
10	CNTT - 10	Vũ Thị Hồng Hạnh	05/07/1983			x	001183019397	11/10/2016	Cục cảnh sát DKQL, cư trú và DLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	CNTT - 11	Nguyễn Thị Minh Hiền	01/11/1978			x	011963009	14/02/2009	CA Hà Nội
12	CNTT - 12	Phạm Huy Hiền	26/10/1985		x		001085004882	04/02/2015	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
13	CNTT - 13	Đặng Xuân Hoàn	15/11/1974		x		001074010226	21/06/2016	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
14	CNTT - 14	Lê Huy Hoàng	03/03/1974		x		013659349	15/08/2013	CA Hà Nội
15	CNTT - 15	Đỗ Đăng Hoat	22/07/1984		x		111869005	16/07/2011	CA Hà Nội
16	CNTT - 16	Nguyễn Thị Thúy Hồng	27/03/1983			x	017183000602	20/03/2018	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
17	CNTT - 17	Lê Văn Huân	10/09/1976		x		145202746	26/06/2008	CA Hưng Yên
18	CNTT - 18	Nguyễn Hoàng Hương	15/11/1977			x	026177000170	05/03/2015	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
19	CNTT - 19	Cao Thanh Hương	20/01/1981		x		037081002012	21/04/2017	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
20	CNTT - 20	Nguyễn Xuân Khôi	10/11/1986		x		164277195	08/09/2006	CA. Ninh Bình
21	CNTT - 21	Nguyễn Ngọc Kiên	20/10/1983		x		037083001188	10/06/2016	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
22	CNTT - 22	Đoàn Xuân Luận	01/10/1984		x		037084003517	03/10/2017	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (dịnh dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
23	CNTT - 23	Trần Thị Mỹ	15/09/1988			x	112250043	25/09/2007	CA Hà Tây
24	CNTT - 24	Trần Thị Nghĩa	27/09/1986			x	035186000886	12/07/2016	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và ĐLQG về dân cư
25	CNTT - 25	Ngô Thị Bích Ngọc	27/05/1986			x	111724739	07/05/2011	CA Hà Nội
26	CNTT - 26	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/09/1983			x	026183002390	27/07/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và ĐLQG về dân cư
27	CNTT - 27	Nguyễn Thanh Sơn	04/12/1975		x		012562744	02/03/2007	CA Hà Nội
28	CNTT - 28	Nguyễn Văn Thái	23/6/1985		x		037085001553	21/09/2016	Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và ĐLQG về dân cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
29	CNTT - 29	Lý Hồng Thắng	10/08/1978		x		012108000	26/7/2007	CA Hà Nội
30	CNTT - 30	Vũ Văn Thắng	02/11/1976		x		151810528	04/08/2005	CA Thái Bình
31	CNTT - 31	Phan Huy Thành	20/07/1981		x		164108946	28/06/2013	CA. Ninh Bình
32	CNTT - 32	Phạm Thị Thoa	15/08/1985			x	164225482	28/07/2005	CA. Ninh Bình
33	CNTT - 33	Lê Thị Thúy	20/04/1988			x	112302243	21/02/2006	CA Hà Tây
34	CNTT - 34	Phạm Thị Thanh Trà	05/08/1978			x	017456821	13/04/2013	CA Hà Nội

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (dịnh dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
35	CNTT - 35	Trần Thị Thúy Vân	12/01/1987			x	131513556	10/04/2018	CA Phú Thọ
36	CNTT - 36	Nguyễn Anh Văn	21/12/1985		x		037085001171	24/06/2016	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
37	CNTT - 37	Phù Xuân Vĩnh	28/02/1974		x		001074001732	04/07/2014	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2018

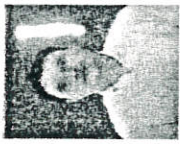
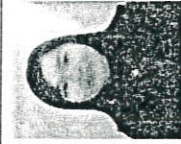
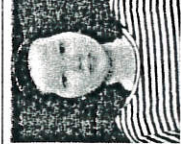
DANH SÁCH CÔNG NHÂN KẾT QUẢ ĐẠT
KỶ ĐẠT GIẢI KỸ NĂNG NGHIỆP QUỐC GIA KỶ IV NĂM 2018

Thời gian: Từ 21/04 - 23/04/2018

NGHIỆP: ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP BẠC 3

(Kèm theo Quyết định số 393/QĐ-ĐHCN ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	DTCN - 01	Bùi Vũ Bình	08/10/1983		x		025083000193	27/07/2015	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
2	DTCN - 02	Nguyễn Thị Phương Dung	25/07/1979			x	135831546	06/06/2013	CA Vĩnh Phúc
3	DTCN - 03	Nguyễn Đức Hưng	29/07/1990		x		012874240	10/04/2006	CA Hà Nội
4	DTCN - 04	Triệu Quốc Khanh	07/04/1976		x		131501901	19/03/2011	CA Phú Thọ

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	DTCN - 05	Vũ Thị Thùy Linh	29/10/1986			x	090985430	20/02/2008	C/A Thái Nguyên
6	DTCN - 06	Nguyễn Văn Long	17/11/1977		x		026077000450	11/06/2015	Cục cảnh sát DKQL, cư trú và DL.QG về dân cư
7	DTCN - 07	Nguyễn Thị Nghinh	12/08/1986			x	001186020756	28/03/2018	Cục cảnh sát DKQL, cư trú và DL.QG về dân cư
8	DTCN - 08	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/01/1988			x	135354502	05/08/2005	C/A Vĩnh Phúc
9	DTCN - 09	Lê Đình Phan	20/01/1981		x		033081001786	11/08/2016	Cục cảnh sát DKQL, cư trú và DL.QG về dân cư
10	DTCN - 10	Hoàng Thị Trang	02/04/1980			x	013354914	28/07/2010	C/A Hà Nội



TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	DTCN - 11	Tô Văn Tuấn	13/06/1978		x		001078015189	04/07/2017	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
12	DTCN - 12	Nguyễn Minh Tuấn	15/10/1972		x		025072000174	16/08/2016	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2018

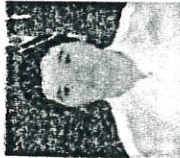
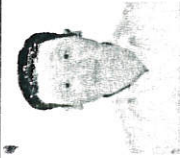
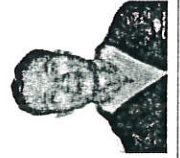


DANH SÁCH CÔNG NHÂN KẾT QUẢ ĐẠT
ĐẠI HỘI CÔNG NHÂN GIÁO KỸ NĂNG NGHIỆP QUỐC GIA KỶ IV NĂM 2018

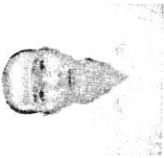
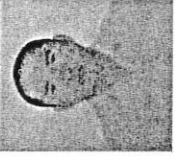
Thời gian: Từ 21/04 - 23/04/2018

NGHIỆP: CÔNG NGHIỆP Ô TÔ BẠC I

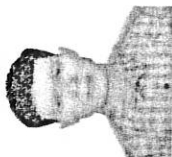
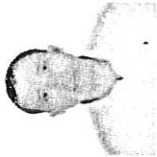
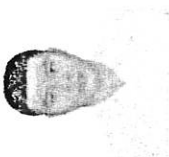
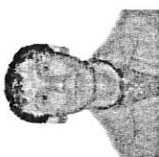
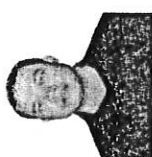
(Kèm theo Quyết định số 393/QĐ - ĐHCN ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

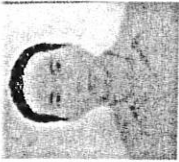
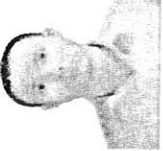
TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	OT - 01	Kiều Văn Tuấn Anh	02/07/1987		x		001087016898	10/01/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQI, Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
2	OT - 02	Trần Văn Chương	16/10/1972		x		012356112	10/02/2006	C.A. Hà Nội
3	OT - 03	Nguyễn Văn Cường	17/03/1973		x		011805750	05/12/2012	C.A. Hà Nội
4	OT - 04	Trương Văn Đăng	15/08/1985		x		121601466	16/03/2007	C.A. Bắc Giang

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	OT - 05	Trần Văn Diễn	12/10/1989		x		024089000046	12/03/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
6	OT - 06	Vũ Đức Doanh	14/11/1969		x		013629166	27/03/2013	C.A. Hà Nội
7	OT - 07	Cao Phi Đức	13/01/1983		x		001083015004	29/03/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
8	OT - 08	Nguyễn Văn Đức	21/02/1986		x		030086005443	24/08/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
9	OT - 09	Lê Phúc Đức	15/02/1981		x		012262270	21/06/2012	C.A. Hà Nội
10	OT - 10	Nguyễn Mạnh Đức	10/09/1983		x		111142796	17/10/2009	C.A. Hà Nội

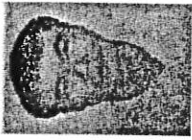
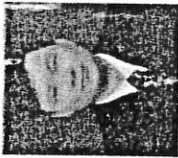
TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	OT - 13	Lê Thanh Hà	13/11/1980		x		012108374	30/10/2008	CA. Hà Nội
12	OT - 14	Hoàng Tú Hà	04/07/1970		x		001070002530	24/11/2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
13	OT - 15	Lưu Đình Hải	15/10/1979		x		171186561	04/07/2012	CA. Thanh Hóa
14	OT - 16	Lại Đức Hải	30/08/1973		x		001073012019	29/11/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
15	OT - 17	Trần Đức Hạnh	22/12/1977		x		001077010305	23/05/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
16	OT - 18	Nguyễn Duy Hiền	10/05/1981		x		001081008732	05/08/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (dịnh dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
17	OT - 19	Đào Văn Hiến	01/05/1982		x		001082025790	27/12/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và DL,QG Về Dân Cư
18	OT - 20	Nguyễn Duy Hiến	18/10/1979		x		012074615	29/12/2011	C.A. Hà Nội
19	OT - 21	Nguyễn Trung Hiếu	16/11/1984		x		001084006202	10/02/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và DL,QG Về Dân Cư
20	OT - 22	Tạ Văn Hiếu	30/06/1987		x		070754192	23/11/2006	C.A. Tuyên Quang
21	OT - 23	Vũ Ngọc Hoan	05/02/1978		x		125763998	14/03/2013	C.A. Bắc Ninh
22	OT - 24	Vũ Đăng Hoàn	20/05/1972		x		125902179	26/10/2016	C.A. Bắc Ninh

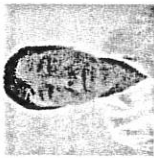
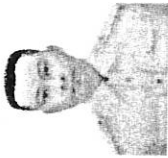
TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
23	OT - 25	Nguyễn Hữu Hoàng	03/09/1973		x		011999527	23/09/2012	CA. Hà Nội
24	OT - 26	Nguyễn Phan Hoàng	13/08/1969		x		125299614	30/07/2015	CA. Bắc Ninh
25	OT - 27	Chu Tiến Hùng	04/02/1987		x		001087003688	11/11/2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và ĐL,QG Về Dân Cư
26	OT - 28	Trần Mạnh Hùng	20/10/1967		x		001067007614	10/11/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và ĐL,QG Về Dân Cư
27	OT - 29	Kim Văn Hùng	20/05/1982		x		111648663	23/12/2011	CA. Hà Nội
28	OT - 30	Ngô Quốc Huy	1976		x		011802703	24/07/2009	CA. Hà Nội

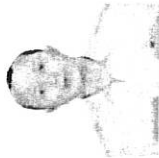
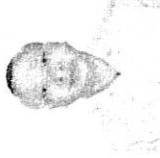
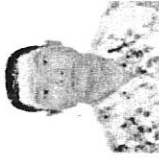
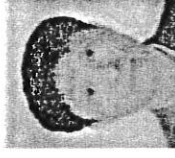
TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
29	OT - 31	Trần Như Khoa	12/08/1982		x		001082002789	11/07/2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐLQG Về Dân Cư
30	OT - 32	Nguyễn Hoài Linh	15/11/1980		x		011915469	11/07/2008	C.A. Hà Nội
31	OT - 33	Nguyễn Văn Long	02/06/1984		x		012491800	21/05/2010	C.A. Hà Nội
32	OT - 34	Nguyễn Văn Lý	17/07/1975		x		001075005164	03/06/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐLQG Về Dân Cư
33	OT - 35	Đỗ Trần Mạnh	05/05/1986		x		125306484	07/04/2015	C.A. Bắc Ninh
34	OT - 36	Nguyễn Văn Mão	1975		x		001075007519	20/11/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐLQG Về Dân Cư

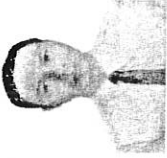
TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
35	OT - 37	Vũ Tiến Minh	26/06/1983		x		012364304	12/03/2004	CA. Hà Nội
36	OT - 38	Dặng Văn Minh	07/09/1967		x		001067001564	23/10/2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
37	OT - 39	Nguyễn Trung Nguyên	16/11/1984		x		012696164	03/12/2011	CA. Hà Nội
38	OT - 40	Bùi Thị Ánh Nguyệt	25/04/1983			x	026183004725	05/01/2018	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
39	OT - 41	Nguyễn Thống Nhất	14/01/1976		x		012674361	17/03/2012	CA. Hà Nội
40	OT - 42	Đinh Tân Phú	20/10/1986		x		001086008497	02/10/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (dịnh dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
41	OT - 43	Phan Duy Phương	09/03/1982		x		001082001176	14/11/2013	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
42	OT - 44	Bùi Văn Quán	03/09/1970		x		230968691	11/03/2010	CA. Gia Lai
43	OT - 45	Phạm Văn Sinh	12/06/1958		x		024058000017	20/12/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
44	OT - 46	Trần Văn Sơn	12/01/1972		x		011619615	27/09/2006	CA. Hà Nội
45	OT - 47	Nguyễn Văn Sứ	14/10/1975		x		012562311	16/12/2013	CA. Hà Nội
46	OT - 48	Le Toàn Thắng	23/05/1975		x		145712473	28/07/2011	CA. Hưng Yên

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (dịnh dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
47	OT - 49	Nguyễn Ngọc Thanh	07/03/1976		x		001076009347	08/03/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
48	OT - 50	Phùng Chí Thành	18/12/1983		x		012289545	16/10/2006	CA. Hà Nội
49	OT - 51	Nguyễn Văn Tháo	28/06/1981		x		001081007879	22/06/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
50	OT - 52	Phí Văn Thiết	13/06/1972		x		034072001019	27/03/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và ĐL.QG Về Dân Cư
51	OT - 53	Phạm Văn Thiều	28/05/1982		x		012447440	23/11/2013	CA. Hà Nội
52	OT - 54	Hoàng Văn Thịnh	28/12/1977		x		011901449	03/04/2006	CA. Hà Nội

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
53	OT - 55	Phạm Hữu Thoang	1966		x		231069819	11/10/2011	CA Gia Lai
54	OT - 56	Nguyễn Văn Tiến	19/03/1977		x		012156781	19/03/2010	CA. Hà Nội
55	OT - 57	Lê Trọng Tinh	15/01/1981		x		012963130	04/04/2008	CA. Hà Nội
56	OT - 58	Nguyễn Xuân Triệu	13/11/1969		x		011407641	20/03/2007	CA. Hà Nội
57	OT - 60	Lý Quốc Trung	06/03/1978		x		012016941	29/06/2010	CA. Hà Nội
58	OT - 61	Chu Văn Trung	15/11/1993		x		001093011573	05/10/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và ĐI,QG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
59	OT - 62	Trần Thế Tuấn	19/04/1973		x		001073003412	10/07/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
60	OT - 63	Đỗ Anh Tuấn	19/04/1979		x		001079009119	01/12/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
61	OT - 64	Lương Anh Tuấn	30/03/1973		x		001073008658	15/04/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
62	OT - 65	Hà Minh Tuấn	16/05/1969		x		001069000226	28/03/2013	Cục Cảnh Sát QLHC Về TTXH
63	OT - 66	Nguyễn Ngọc Tuyền	1974		x		125249361	22/08/2017	C.A. Bắc Ninh
64	OT - 67	Đoàn Đình Việt	14/08/1984		x		001084014857	25/04/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL, Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (dịnh dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
65	OT - 68	Vũ Minh Vương	07/02/1983		x		001083021849	18/01/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và ĐI-QG Về Dân Cư